

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Bóng đá 2 - 01**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2121030113	Nguyễn Tấn Bảo	27/03/2003	CCQ2103D	9.5	9.0	9.0	9.1	4.0	6.0	
2	2121230004	Nguyễn Thế Bảo	27/01/2003	CCQ2123A	7.0	8.5	7.6	7.7	5.0	6.1	
3	2121180021	Võ Cao Bảo	13/08/2003	CCQ2118A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
4	2121230008	Nguyễn Cao Cường	05/07/2003	CCQ2123A	8.0	9.0	6.4	7.1	4.0	5.2	
5	2121260088	Phạm Thanh Cường	30/11/2002	CCQ2122A	8.0	9.0	7.6	7.9	4.0	5.6	
6	2121230015	Trần Đình Diệu	07/05/2003	CCQ2123A	8.0	9.0	6.4	7.1	5.0	5.8	
7	2121140019	Nguyễn Thế Du	03/04/2003	CCQ2114A	9.5	9.5	9.5	9.5	9.0	9.2	
8	2121180014	Trịnh Minh Du	14/12/2003	CCQ2118A	8.0	9.0	9.5	9.2	6.0	7.3	
9	2121030126	Vũ Tuấn Duy	10/04/2003	CCQ2103D	7.0	8.5	9.0	8.6	4.0	5.8	
10	2121060045	Nguyễn Sỹ Thành Đạt	13/05/2003	CCQ2106B	5.0	7.5	6.4	6.4	7.0	6.7	
11	2121120357	Huỳnh Anh Hào	07/06/2003	CCQ2112K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
12	2121140006	Nguyễn Ngọc Hiên	18/03/2003	CCQ2114A	9.5	9.5	6.4	7.4	6.0	6.6	
13	2121140039	Trần Văn Hiếu	05/06/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	6.4	7.1	6.0	6.4	
14	2121030137	Huỳnh Duy Hoan	30/01/2002	CCQ2103D	7.0	8.5	9.0	8.6	4.0	5.8	
15	2121140029	Nguyễn Thanh Hồ	29/08/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	9.5	9.2	5.0	6.7	
16	2121180023	Lê Đăng Huy	28/04/2003	CCQ2118A	5.0	7.5	9.0	8.1	6.0	6.8	
17	2120170498	Nguyễn Quốc Huy	17/09/2002	CCQ2017O	5.0	6.0	7.6	6.9	7.0	7.0	
18	2121030131	Lê Trọng Hữu	06/08/2003	CCQ2103D	7.0	9.0	9.0	8.7	6.0	7.1	
19	2120200232	A Đỗ Huy Kao	22/09/2002	CCQ2017R	5.0	8.0	7.6	7.2	10.0	8.9	
20	2121030030	Nguyễn Tấn Khả	01/10/2003	CCQ2103A	8.0	9.0	9.5	9.2	4.0	6.1	
21	2121140014	Trần Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2114A	8.0	8.5	6.4	7.0	6.0	6.4	
22	2118030026	Lê Minh Khoa	13/02/2000	CCQ1803A	6.0	7.0	9.5	8.5	5.0	6.4	
23	2121140015	Phạm Minh Khôi	05/11/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	6.4	7.1	7.0	7.0	
24	2121140020	Nguyễn Duy Kiểu	04/08/2003	CCQ2114A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
25	2121140003	Nguyễn Ngọc Lâm	20/10/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	9.5	9.2	4.0	6.1	
26	2121140028	Nguyễn Phi Long	25/06/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	9.5	9.3	5.0	6.7	
27	2121110097	Nguyễn Văn Lộc	25/09/2003	CCQ2112R	8.0	9.0	7.6	7.9	4.0	5.6	
28	2121180008	Trần Văn Mạnh	14/01/2003	CCQ2118A	8.0	9.5	9.5	9.3	4.0	6.1	
29	2121230010	Đỗ Minh Nam	21/09/2003	CCQ2123A	5.0	8.0	7.6	7.2	7.0	7.1	
30	2121030086	Nguyễn Anh Nam	28/02/2003	CCQ2103C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
31	2121140001	Nguyễn Hồng Nguyên	10/06/2003	CCQ2114A	7.0	9.5	6.4	7.0	8.0	7.6	
32	2121140024	Nguyễn Thanh Nhân	28/05/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	9.5	9.3	4.0	6.1	
33	2121180031	Văn Quyết Công Nhấn	12/04/2002	CCQ2118A	5.0	7.5	9.0	8.1	7.0	7.4	
34	2121140002	Bùi Minh Nhựt	26/02/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	6.4	7.2	7.0	7.1	
35	2121140031	Lê Tấn Phát	25/06/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	6.4	7.1	7.0	7.0	
36	2121030136	Thái Quang Phúc	23/07/2003	CCQ2103D	8.0	10.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
37	2121180002	Nguyễn Thế Quảng	03/03/2003	CCQ2118A	4.0	8.0	9.0	8.0	6.0	6.8	
38	2120260203	Phạm Văn Sang	17/01/2002	CCQ2011J	8.0	9.5	7.6	8.0	6.0	6.8	
39	2121140011	Nguyễn Thanh Sơn	08/01/2003	CCQ2114A	5.0	7.5	6.4	6.4	5.0	5.5	
40	2120170624	Nguyễn Hoàng Thái	26/07/2002	CCQ2017R	5.0	7.5	7.6	7.2	8.0	7.7	
41	2121030143	Nguyễn Hoàng Thành	28/02/2003	CCQ2103D	8.0	9.0	9.0	8.8	5.0	6.5	
42	2121140038	Nguyễn Ngọc Thắng	07/01/2001	CCQ2114A	7.0	8.5	9.5	8.9	6.0	7.2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
43	2121030132	Châu Hoàng Thiện	28/02/2003	CCQ2103D	8.0	9.0	9.0	8.8	4.0	5.9	
44	2121030150	Nguyễn Hữu Thiện	24/02/2003	CCQ2103D	8.0	9.5	9.0	8.9	4.0	6.0	
45	2120030169	Phan Nguyễn Minh Thiện	21/03/2002	CCQ2003E	8.0	9.5	7.6	8.0	8.0	8.0	
46	2121140026	Trần Thế Thuận	03/12/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	9.5	9.2	4.0	6.1	
47	2121030135	Lê Bảo Toàn	04/04/2003	CCQ2103D	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	
48	2121140017	Lê Hoàng Triều	08/08/2002	CCQ2114A	8.0	9.5	9.5	9.3	4.0	6.1	
49	2121140008	Nguyễn Đức Trung	19/02/2003	CCQ2114A	8.0	9.0	6.4	7.1	4.0	5.2	
50	2121140016	Đỗ Minh Trường	06/05/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	6.4	7.2	4.0	5.3	
51	2121230001	Huỳnh Nguyễn Trường	03/04/2003	CCQ2123A	8.0	9.0	7.6	7.9	4.0	5.6	
52	2121140033	Vũ Nhật Trường	20/05/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	9.5	9.3	6.0	7.3	
53	2121180007	Đặng Bảo Tuấn	26/01/2003	CCQ2118A	7.0	8.5	9.5	8.9	6.0	7.2	
54	2120170630	Hồ Kế Tuấn	06/11/2002	CCQ2017R	5.0	8.5	7.6	7.3	6.0	6.5	
55	2121030130	Đỗ Thanh Tuệ	01/10/2003	CCQ2103D	7.0	8.5	9.0	8.6	7.0	7.6	
56	2121260087	Phan Vĩnh Tường	16/04/2002	CCQ2122A	8.0	9.0	7.6	7.9	7.0	7.4	
57	2121140007	Đỗ Tiến Vĩ	03/06/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	6.4	7.2	7.0	7.1	
58	2121030120	Nguyễn Quang Việt	27/04/2003	CCQ2103D	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	
59	2121140021	Hoàng Công Vinh	02/08/2003	CCQ2114A	8.0	9.5	9.5	9.3	7.0	7.9	
60	2121170288	Nguyễn Khánh Vinh	05/10/2002	CCQ2126D	8.0	10.0	7.6	8.1	6.0	6.8	
61	2121030138	Huỳnh Công Vũ	26/10/2003	CCQ2103D	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	
62	2121200185	Đặng Thảo Ý	29/03/2003	CCQ2120F	9.5	10.0	7.6	8.3	8.0	8.1	

BP.1: Điểm chuyên cần

BP.2: Điểm đánh giá quá trình học

BP.3: Điểm kiểm tra giữa kỳ

Đ.QT: Điểm quá trình = $((BP.1 + BP.2) / 2 + BP.3 * 2) / 3$

Đ.THI: Điểm thi

Đ.HP: Điểm học phần = $(Đ.THI * 0.4 + Đ.HP * .6)$

Đ.HP $\geq$ 5.0 Đạt ; Đ.HP $\leq$ 4.9 Không Đạt